

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐĂNG KÝ HỌC LẠI, CẢI THIỆN CÁC LỚP GHÉP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022-2023

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
1	1171120107	Nguyễn Thị Phương	Thanh	14/4/1999	ĐHSPA B	7	784344010	Ngữ nghĩa học	2	ĐHSPA A K9	2213111003709	Ngoại Ngữ
2	1171120107	Nguyễn Thị Phương	Thanh	14/4/1999	ĐHSPA B	7		Tư tưởng HCM	2	ĐHSPA B K10	2213111400323	Ngoại Ngữ
3	1171120107	Nguyễn Thị Phương	Thanh	14/4/1999	ĐHSPA B	7		Ngữ pháp 1	3	ĐHSPA C K11	2213119107303	Ngoại Ngữ
4	1171120107	Nguyễn Thị Phương	Thanh	14/4/1999	ĐHSPA B	7		Cơ sở lý luận dạy và học NN	2	ĐHSPA C K11	2213114219103	Ngoại Ngữ
5	1181120030	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	27/03/2000	ĐHSPA B	8	899363118	Viết nâng cao 1	2	DHSPA A K10	2213113400407	Ngoại Ngữ
6	1181120030	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	27/03/2000	ĐHSPA B	8	899363118	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	3	DHSPA B K11	2213112201605	Ngoại Ngữ
7	1191120103	Trần Thị Thanh	Thúy	28/08/2001	ĐHSPA A	9	333078628	Hình thái học	2	DHNNA A K9	2213111004901	Ngoại Ngữ
8	1181120067	Nguyễn Thị Thu	Thảo	11/02/2000	ĐHSPA A	8	362081274	Nghe nâng cao	2	ĐHSPTAA K10	2213114219601	Ngoại Ngữ
9	1181120067	Nguyễn Thị Thu	Thảo	11/02/2000	ĐHSPA A	8	362081274	Nói nâng cao	2	ĐHSPTAA K10	2213114220001	Ngoại Ngữ
10	1181120037	Võ Thành	Long	15/10/2000	ĐHSPA A	8	868049487	Hình thái học	2	ĐHNNA A K9	2213111004901	Ngoại Ngữ
11	1191120065	Nguyễn Lê Khánh	Ngọc	28/08/2001	ĐHSPA B	9	969805607	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin	2	ĐH SPA B K11	2213119101419	Ngoại Ngữ

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
12	1191120106	Nguyễn Thị Hoài	Thương	08/09/2001	ĐHSPA A	9	837124220	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	3	ĐH SP Anh B K11	2213112201605	Ngoại Ngữ
13	1191120106	Nguyễn Thị Hoài	Thương	08/09/2001	ĐHSPA A	9	837124220	Cơ sở lý luận dạy và học ngôn ngữ	2	ĐH SP Anh B K11	2213114219102	Ngoại Ngữ
14	1201120110	Bùi Thị Bích	Phương	16/01/2002	ĐHSPA B	10		nghe cơ bản 1	2	ĐH NNA A K12	2013111008908	Ngoại Ngữ
15	1171120118	Huỳnh Thị Minh	Thơ	10-02-1999	ĐHSPA A	7	354230793	Tiếng trung 3	3	DH11STAB	2213111006402	Ngoại Ngữ
16	1181120087	Trần Thị Thu	Vân	04/03/2000	ĐHSPA A	8	362074223	Viết nâng cao 1	2	DHSPA A K10	2213113400407	Ngoại Ngữ
17	1191120019	Trương Cao	Danh	30/04/2001	ĐHSPA A	9	707268304	Ngữ âm học	2	ĐHSPA B K10	2213111003502	Ngoại Ngữ
18	1181120005	Phạm Trần Vân	Anh	13/08/2000	ĐHSPA A	8	908994820	Ngữ âm học	2	ĐHSPA A K10	2213111003501	Ngoại Ngữ
19	1181120005	Phạm Trần Vân	Anh	13/08/2000	ĐHSPA A	8	908994820	lý luận dạy học và lý luận giáo dục	3	ĐHSPA A K11	2213112201605	Ngoại Ngữ
20	1191120043	Nguyễn Trần An	Khang	21/10/2001	ĐHSPA A	9	815829703	Tiếng Trung 3	3	DH11NNAA	2213114220901	Ngoại Ngữ
21	1191120076	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	26/09/2001	ĐHSPA A	9	981635609	Nghe cơ bản 3	2	ĐH SPA A K11	2213114219406	Ngoại Ngữ
22	1151120134	Lê Thị	Trang	28/11/1997	ĐHSPA C	5	973661342	Viết nâng cao 1	2	ĐH SPA B K10	2213113400408	Ngoại Ngữ
23	1151120134	Lê Thị	Trang	28/11/1997	ĐHSPA C	5	973661342	Đọc nâng cao 1	2	ĐH SPA B K10	2213113400308	Ngoại Ngữ
24		Phạm Thị Phương	Trang	01/02/2001	ĐHSPA B	9	353456058	Nghe cơ bản 3	2	ĐH SPA A K11	2213114219406	Ngoại Ngữ

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
25	1191120069	Trần Yến	Nhi	10/09/2001	ĐHSPA C	9	869399979	Tiếng Trung 3	3	ĐH NNA A K11	2213114220901	Ngoại Ngữ
26		Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	15/02/2001	ĐHSPA C	9	932914380	Tiếng Trung 3	3	ĐH NNA A K11	2213114220901	Ngoại Ngữ
27	1171120049	Bùi Phạm Quốc	Kim	04/06/1999	ĐHSPA C	7	396496808	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	2	ĐHSPTA A K9	2213112804201	Ngoại Ngữ
28	1171120166	Vũ Thảo	Vy	08/04/1999	ĐHSPA C	7	868053227	Nghe nâng cao	2	DHSPTA A K10	2213114219601	Ngoại Ngữ
29	1171120148	Nguyễn Kim	Trung	11/01/1999	ĐHSPA C	7	967648742	Ngữ nghĩa học	2	ĐHSPTA A K9	2213111003701	Ngoại Ngữ
30	1171120148	Nguyễn Kim	Trung	11/01/1999	ĐHSPA C	7	967648742	Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh	2	ĐHSPTA A K9	2213112804201	Ngoại Ngữ
31	1171120148	Nguyễn Kim	Trung	11/01/1999	ĐHSPA C	7	967648742	Ngữ pháp 1	3	ĐHSPTA C K11	2213119107303	Ngoại Ngữ
32	1171120148	Nguyễn Kim	Trung	11/01/1999	ĐHSPA C	7	967648742	Lý luận dạy học và giáo dục	3	ĐHSPTA A K11	2213112201605	Ngoại Ngữ
33		Ngô Thị Tú	Uyên	10/12/1999	CDSPA B	42	375950849	Giáo dục thể dục 3	1	ĐH NNA EK11	2213111203907	Ngoại Ngữ
34	1191120055	Đặng Thị Tuyết	Mai	23/06/2001	ĐHSPA A	9	923422900	TIẾNG TRUNG 3	3	DH11NNAA	2213114220901	Ngoại Ngữ
35	1171120157	Nguyễn Hồng	Tuyền	01/01/1999	ĐHSPA B	7	933864284	Ngữ nghĩa học	2	DHSPA K9	2213111003709	Ngoại Ngữ
36	1171120157	Nguyễn Hồng	Tuyền	01/01/1999	ĐHSPA B	7	933864284	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	3	DHSPA K9	2213112704601	Ngoại Ngữ
37	1171120157	Nguyễn Hồng	Tuyền	01/01/1999	ĐHSPA B	7	933864284	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	DHNNA BK11	2213111100503	Ngoại Ngữ

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
38	1151120134	Lê Thị	Trang	28/11/1997	ĐHSPA C	5	973661342	Đọc cơ bản 3	2	ĐH SPA A K11	2213114220206	Ngoại Ngữ
39	1201120149	Lê Thị Anh	Thư	22/02/2002	ĐHSPA B	10	865811409	Nghe cơ bản 1	2	ĐH NNA A K12	2013111008908	Ngoại Ngữ
40	1181120025	Nguyễn Minh	Hiếu	15/10/2000	ĐHSPA A	8	889301103	Kĩ Thuật giảng dạy 1	3	ĐHSP Anh A K10	2213117004201	Ngoại Ngữ
41	1191120070	Hoàng Nguyễn Yến	Nhi	04/05/2000	ĐHSPA A	9		Hình thái học	2	ĐHNNA A K9	2213111004901	Ngoại Ngữ
42	1181120042	Phan Đình Phú	Minh	27/03/2000	ĐHSPA B	8	962497245	Hình thái học	2	ĐHNNA A K9	2213111004901	Ngoại Ngữ
43	1181120042	Phan Đình Phú	Minh	27/03/2000	ĐHSPA B	8	962497245	Viết nâng cao 1	2	ĐHNNA A K10	2213113400401	Ngoại Ngữ
44	1181120025	Nguyễn Minh	Hiếu	15/10/2000	ĐHSPA A	8		Kĩ thuật giảng dạy tiếng anh	3	ĐHSPA A K10	2213117004201	Ngoại Ngữ
45	1181120064	Lầu Anh	Tuấn	12/01/1999	ĐHSPA B	8		Lý luận DH và Lý luận Giáo dục	3	ĐH SPA A K11	2213112202604	Ngoại Ngữ
46	1201060005	Đỗ Bạch Ngự	Bình	21/05/2002	SP Ngữ văn	10	0376181085	Mình giải văn bản Hán văn Việt Nam	2	SP Ngữ văn k11	2213114207701	SPKH Xã Hội
47	1201060019	Nguyễn	Khánh	01/05/2002	SP Ngữ văn	10	0933412585	Mình giải văn bản Hán văn Việt Nam	2	SP Ngữ văn k11	2213114207701	SPKH Xã Hội
48	1201060012	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	11/10/2002	SP Ngữ văn	10	0327682239	Mình giải văn bản Hán văn Việt Nam	2	SP Ngữ văn K11	2213114207701	SPKH Xã Hội
49	1201060016	Nguyễn Thúy	Huyền	30/11/2002	SP Ngữ văn	10	0355911214	Mình giải văn bản Hán văn Việt Nam	2	SP Ngữ văn k11	2213114207701	SPKH Xã Hội
50	1201060014	Nguyễn Trung	Huy	09/09/2002	SP Ngữ văn	10	0814981803	Mình giải văn bản Hán văn Việt Nam	2	SP Ngữ văn k11	2213114207701	SPKH Xã Hội

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
51	1201060008	Nguyễn Tuấn	Dũng	01/08/2002	SP Ngữ văn	10	0932328517	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	3	SP Lịch sử k11	2213122800201	SPKH Xã Hội
52	1201060027	Nguyễn Thanh	Nhật	05/08/2002	SP Ngữ văn	10	0707662679	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	3	SP Lịch sử k11	2213122800201	SPKH Xã Hội
53	1201060040	Lê Thị Thu	Thảo	18/05/2002	SP Ngữ văn	10	815076161	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục	3	SP Lịch sử k11	2213122800201	SPKH Xã Hội
54	1201060007	Nguyễn Ngọc Phụng	Diệp	27/04/20001	SP Ngữ văn	10	0378034483	Mình giải văn bản Hán văn Việt Nam	2	SP Ngữ văn K11	2213114207701	SPKH Xã Hội
55	1171010017	Dương Tấn	Danh	29/04/1999	ĐH Toán A	7	0839941905	Hình học vi phân	3	ĐH Toán K9	2213112302801	SPKH Tự Nhiên
56	1171010017	Dương Tấn	Danh	29/04/1999	ĐH Toán A	7	0839941905	Xác suất thống kê	3	ĐH Toán K9	2213112302201	SPKH Tự Nhiên
57	1171010017	Dương Tấn	Danh	29/04/1999	ĐH Toán A	7	0839941905	Độ đo - tích phân	2	ĐH Toán B K10	2213112302002	SPKH Tự Nhiên
58	1171020007	Ngô Xuân	Diệm	11/06/1999	ĐH Hóa	7	0349106674	Giáo dục thể chất 3	1	ĐH Hóa K11	2213111203913	SPKH Tự Nhiên
59	1171020057	Nguyễn Thị Tường	Vi	20/08/1999	ĐH Hóa	7	0343094902	Phương pháp NCKH	2	ĐH Hóa K11	2213111100507	SPKH Tự Nhiên
60	1181010040	Nguyễn Hoàng Minh	Tân	10/11/2000	ĐH Toán	8	0795587493	Lý thuyết Galois	3	ĐH Toán A K10	2213114209101	SPKH Tự Nhiên
61	1181010053	Vy Viết	Vĩnh	07/08/1999	ĐH Toán	8	0327877950	Quy hoạch tuyến tính	3	ĐH Toán K9	2213114209201	SPKH Tự Nhiên
62	1181010054	Lưu Trường	Vỹ	14/08/2000	ĐH Toán	8	0334147312	Quy hoạch tuyến tính	3	ĐH Toán K9	2213114209201	SPKH Tự Nhiên
63	1181010054	Lưu Trường	Vỹ	14/08/2000	ĐH Toán	8	0334147312	Lý thuyết môđun	2	ĐH Toán K9	2213112303401	SPKH Tự Nhiên

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
64	1181010004	Nguyễn Ngọc	Ánh	18/11/2000	ĐH Toán	8	0387910882	Hình học sơ cấp	3	ĐH Toán A K10	2213112301508	SPKH Tự Nhiên
65	1181010028	Nguyễn Thị	Loan	07/02/2000	ĐH Toán	8	0983742291	Hình học vi phân	3	ĐH Toán K9	2213112302801	SPKH Tự Nhiên
66	1161010009	Đình Thành	Danh	02/02/1997	ĐH Toán	8	0346269796	Hình học vi phân	3	ĐH Toán K9	221312302801	SPKH Tự Nhiên
67	1161010009	Đình Thành	Danh	02/02/1997	ĐH Toán	8	0346269796	Lý thuyết môđun	2	ĐH Toán K9	2213112303401	SPKH Tự Nhiên
68	1161010009	Đình Thành	Danh	02/02/1997	ĐH Toán	8	0346269796	Xác suất thống kê	3	ĐH Toán K9	2213112302201	SPKH Tự Nhiên
69	1161010009	Đình Thành	Danh	02/02/1997	ĐH Toán	8	0346269796	Hình học xạ ảnh	3	ĐH Toán A K10	2213112302102	SPKH Tự Nhiên
70	1161010009	Đình Thành	Danh	02/02/1997	ĐH Toán	8	0346269796	Lý thuyết Galois	3	ĐH Toán A K10	2213114209102	SPKH Tự Nhiên
71	1181010049	Lê Tiến	Trình	01/01/2000	ĐH Toán	8	0984875408	Hàm biến phức	3	ĐH Toán B K10	2213112301402	SPKH Tự Nhiên
72	1181010049	Lê Tiến	Trình	01/01/2000	ĐH Toán	8	0984875408	Độ đo - tích phân	2	ĐH Toán A K10	2213112302001	SPKH Tự Nhiên
73	1181010049	Lê Tiến	Trình	01/01/2000	ĐH Toán	8	0984875408	Lý thuyết Galois	3	ĐH Toán A K10	2213114209101	SPKH Tự Nhiên
74	1181010049	Lê Tiến	Trình	01/01/2000	ĐH Toán	8	0984875408	Quy hoạch tuyến tính	3	ĐH Toán K9	2213114209201	SPKH Tự Nhiên
75	1181010049	Lê Tiến	Trình	01/01/2000	ĐH Toán	8	0984875408	Hình học tuyến tính	3	ĐH Toán A K11	2213114209001	SPKH Tự Nhiên
76	1181010049	Lê Tiến	Trình	01/01/2000	ĐH Toán	8	0984875408	Giải tích nhiều biến 1	2	ĐH Toán A K11	2213114208801	SPKH Tự Nhiên

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
77	1181010049	Lê Tiến	Trình	01/01/2000	ĐH Toán	8	0984875408	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3)	3	ĐH Tiểu học F K11	2213112308218	SPKH Tự Nhiên
78	1181010049	Lê Tiến	Trình	01/01/2000	ĐH Toán	8	0984875408	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	ĐH Toán B K10	2213111400334	SPKH Tự Nhiên
79	1171010087	Đặng Thị Thanh	Thủy	20/09/1999	ĐH Toán B	7	0337709789	Giải tích nhiều biến 1	2	ĐH Toán B K11	2213114208802	SPKH Tự Nhiên
80	1171010010	Kiều Lan	Anh	18/10/1999	ĐH Toán B	7	0964280430	Hình học xạ ảnh	3	ĐH Toán A K10	2213112302101	SPKH Tự Nhiên
81	1171010010	Kiều Lan	Anh	18/10/1999	ĐH Toán B	7	0964280430	Hình học vi phân	3	ĐH Toán K9	2213112302801	SPKH Tự Nhiên
82	1171010010	Kiều Lan	Anh	18/10/1999	ĐH Toán B	7	0964280430	Quy hoạch tuyến tính	3	ĐH Toán K9	2213114209201	SPKH Tự Nhiên
83	1191020001	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/12/2001	ĐH Hóa	9	0378548760	Hóa học hữu cơ 1	2	ĐH Hóa K11	2213117002501	SPKH Tự Nhiên
84	1191020002	Vũ Nguyễn Kim	Hằng	23/05/2000	ĐH Hóa	9	0329232861	Hóa học hữu cơ 1	2	ĐH Hóa K11	2213117002501	SPKH Tự Nhiên
85	1191020005	Hoàng Thùy	Nhung	31/10/2000	ĐH Hóa	9	0899491843	Hoá học hữu cơ 1	2	ĐH Hóa K11	2213117002501	SPKH Tự Nhiên
86	11611030021	Trần Vĩnh	Nghĩa	04/04/1998	ĐH Hóa	9	0354107803	Hoá học hữu cơ 1	2	ĐH Hóa K11	2213117002501	SPKH Tự Nhiên
87	11611030021	Trần Vĩnh	Nghĩa	04/04/1998	ĐH Hóa	9	0354107803	Hóa học lượng tử	2	ĐH Hóa K11	2213114214701	SPKH Tự Nhiên
88	1191010011	Phan Lê	Đan	26/09/2001	ĐH Toán	9	0395077134	Hình học tuyến tính	3	ĐHSP Toán AK11	2213114209001	SPKH Tự Nhiên
89	1191010029	Trần Thị Yến	Như	02/06/2001	ĐH Toán	9	0916533549	Hình học tuyến tính	3	ĐHSP Toán AK11	2213114209001	SPKH Tự Nhiên

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
90	1191010003	Nguyễn Thị Minh	Anh	25/01/2001	ĐH Toán	9	0338195146	Hàm biến phức	3	ĐHSP Toán BK10	2213112301402	SPKH Tự Nhiên
91	1191010046	Trần Thanh	Trà	07/09/2001	ĐH Toán	9	0865277807	Hình học tuyến tính	3	ĐHSP Toán AK11	2213114209001	SPKH Tự Nhiên
92	1191010042	Nguyễn Hoàng Thiện	Thanh	16/07/2001	ĐH Toán	9	0933402307	Hình học tuyến tính	3	ĐHSP Toán AK11	2213114209001	SPKH Tự Nhiên
93	1191010006	Lê Phan Thanh	Bình	08/04/2001	ĐH Toán	9	0348676554	Hàm biến phức	3	ĐHSP Toán BK10	2213112301402	SPKH Tự Nhiên
94	1191010035	Trần Hà	Sơn	17/07/2001	ĐH Toán	9	0969596017	Ngoại ngữ không chuyên (Tiếng Anh 3)	3	ĐH Toán B K11	2023114200507	SPKH Tự Nhiên
95	1191010035	Trần Hà	Sơn	17/07/2001	ĐH Toán	9	0969596017	Hình học tuyến tính	3	ĐHSP Toán AK11	2213114209001	SPKH Tự Nhiên
96	11710401811	Nguyễn Trâm	Mai	36436	ĐH THD	7		Phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học	2	ĐH THA K9	2213112801701	Khoa TH- MN
97	11710401811	Nguyễn Trâm	Mai	36436	ĐH THD	7		Tổ chức hoạt động tìm hiểu thế giới động vật và thực vật cho HSTH	2	ĐH THA K9	2213114203	Khoa TH- MN
98	11710401811	Nguyễn Trâm	Mai	36436	ĐH THD	7		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	ĐH THA K10	2213111400326	Khoa TH- MN
99	11710401811	Nguyễn Trâm	Mai	36436	ĐH THD	7		Cơ sở Toán học 2	3	ĐH THD K11	2213114201704	Khoa TH- MN
100	11710401811	Nguyễn Trâm	Mai	36436	ĐH THD	7		Giáo dục thể chất 3	1	ĐH THD K11	2213111203925	Khoa TH- MN
101	1181050070	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	36555	ĐH MN	8		Phương pháp nghiên cứu KH	2	ĐHMN K11	2213111100508	Khoa TH- MN
102	1181050062	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	36258	ĐH MN	8		Phương pháp nghiên cứu KH	2	ĐHMN K12	2213111100508	Khoa TH- MN

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
103	1181050043	Nguyễn Hoàng Ngọc	Quỳnh	36826	ĐH MN	8		Thiết kế và làm đồ chơi, đồ dùng dạy học	3	ĐH MN K9	2213114205201	Khoa TH- MN
104	1181070096	Nguyễn Thị Lan	Phuong	36794	ĐH THC	8		PP dạy học tự nhiên và xã hội	4	ĐH THE K10	2213114202405	Khoa TH- MN
105	1191070221	Huỳnh Thị Như	Ý	34700	ĐH THA	10		Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	ĐH THI K11	2213119101460	Khoa TH- MN
106	1171070159	Nguyễn Thị Hưng	Bình	36390	ĐH THD	7		Cơ sở Toán học 2	3	ĐH THD K11	2213114201704	Khoa TH- MN
107	1171070159	Nguyễn Thị Hưng	Bình	36390	ĐH THD	7		PPDH thể học ở tiểu học	1	ĐH THA K9	2213112802101	Khoa TH- MN
108	1171070159	Nguyễn Thị Hưng	Bình	36390	ĐH THD	7		Thủ công kỹ thuật và PP dạy học ở tiểu học	4	ĐH THA K9	2213114202501	Khoa TH- MN
109	1171070159	Nguyễn Thị Hưng	Bình	36390	ĐH THD	7		PPDH tiếng việt ở tiểu học	4	ĐH THD K10	2213117000304	Khoa TH- MN
110	1171070159	Nguyễn Thị Hưng	Bình	36390	ĐH THD	7		PPDH âm nhạc ở tiểu học	2	ĐH THA K9	2213112801901	Khoa TH- MN
111	1171070159	Nguyễn Thị Hưng	Bình	36390	ĐH THD	7		Đàn phím điện tử	2	ĐH THA K9	212213114202801	Khoa TH- MN
112	1171070159	Nguyễn Thị Hưng	Bình	36390	ĐH THD	7		Tìm hiểu thế giới ĐVTV cho HSTH	2	ĐH THA K9	212213114203001	Khoa TH- MN
113	1171070159	Nguyễn Thị Hưng	Bình	36390	ĐH THD	7		Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho HSTH	3	ĐH THA K9	2213114203201	Khoa TH- MN

Danh sách này có 113 sinh viên đã đăng ký.

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
-----	------	-------	-----	-----------	-----	------	-------------	--------------------------	------------------	-----------------	--------------------------------	------

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
-----	------	-------	-----	-----------	-----	------	-------------	--------------------------	------------------	-----------------	--------------------------------	------

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
-----	------	-------	-----	-----------	-----	------	-------------	--------------------------	------------------	-----------------	--------------------------------	------

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
-----	------	-------	-----	-----------	-----	------	-------------	--------------------------	------------------	-----------------	--------------------------------	------

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
-----	------	-------	-----	-----------	-----	------	-------------	--------------------------	------------------	-----------------	--------------------------------	------

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
-----	------	-------	-----	-----------	-----	------	-------------	--------------------------	------------------	-----------------	--------------------------------	------

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
-----	------	-------	-----	-----------	-----	------	-------------	--------------------------	------------------	-----------------	--------------------------------	------

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
-----	------	-------	-----	-----------	-----	------	-------------	--------------------------	------------------	-----------------	--------------------------------	------

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
-----	------	-------	-----	-----------	-----	------	-------------	--------------------------	------------------	-----------------	--------------------------------	------

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
-----	------	-------	-----	-----------	-----	------	-------------	--------------------------	------------------	-----------------	--------------------------------	------

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
-----	------	-------	-----	-----------	-----	------	-------------	--------------------------	------------------	-----------------	--------------------------------	------

STT	MSSV	Họ và	Tên	Ngày sinh	Lớp	Khóa	SĐT liên hệ	Tên học phần ĐK học ghép	Số tín chỉ	Lớp ĐK học ghép	Mã lớp học phần ĐK học ghép	Khoa
-----	------	-------	-----	-----------	-----	------	-------------	--------------------------	------------------	-----------------	--------------------------------	------